

Số: 3381 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 10)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng do thu hồi đất để phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Long Vân I;

Căn cứ Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Dự án: Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tờ trình số 185/TTr-TTPTQĐ ngày 17/8/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1069/TTr-STNMT ngày 07/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng (GPMB) để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 10), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **10.682.747.000 đồng** (Mười tỷ, sáu trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ (chưa bao gồm hỗ trợ ổn định đời sống):
10.473.281.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 209.466.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 20.947.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 14.663.000 đồng).

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; bàn giao phần diện tích 250,5m² thu hồi đất nông nghiệp nằm ngoài ranh giới quy hoạch của dự án nêu trên cho UBND phường Bùi Thị Xuân quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

Phụ lục

TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN TRUNG TÂM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - ĐÔ THỊ PHỤ TRỢ TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU VÀ PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 10)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất nông nghiệp BT, HT (m ²)		Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch	Bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ bằng mức bồi thường đất nông nghiệp	HT chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Cây cối, hoa màu	Giá trị BT, HT (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)= (7)+(8)+(9)+(10)
1	Hộ ông Tô Tấn Cù, Con ĐDKK: Tô Tấn Cường	Tổ 7, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.245,40	1.245,40		202.751.120		552.957.600	5.604.300	761.313.000
2	Hộ ông Trần Ngọc Hiền	Tổ 3, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.214,40	1.214,40		193.097.080	4.607.240	526.628.400	5.464.800	729.798.000
3	Hộ bà Nguyễn Thị Lưu Minh (chết), Con ĐDKK: Phan Thị Ngọc Bích	Tổ 5, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	243,70	243,70		39.674.360		108.202.800	1.096.650	148.974.000
4	Hộ ông Nguyễn Có (chết), con Nguyễn Hiệp ĐDKK	Tổ 5, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	868,20	868,20		141.342.960		385.480.800	3.854.250	530.678.000
5	Hộ ông Trần Văn Một	Tổ 3, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	907,60	907,60		147.757.280		402.974.400	4.084.200	554.816.000
6	Hộ Ông Trần Thệ Hải (chết), Đại diện: Trần Hoàng Cự (con)	Tổ 1, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	2.472,70	2.403,90	68,8	402.555.560		1.097.878.800	11.127.150	1.511.562.000
7	Hộ ông Huỳnh Bậu (chết), Con ĐDKK: Huỳnh Văn Hiệp	Tổ 1, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	566,50	566,50		92.226.200		251.526.000	2.549.250	346.301.000
8	Hộ bà Nguyễn Thị Út	Tổ 4, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	491,90	491,90		80.081.320		218.403.600	2.091.150	300.576.000
9	Hộ ông Hà Nhánh (chết), con ĐDKK: Hà Văn Hiền	Tổ 2, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.524,20	1.524,20		248.139.760		676.744.800	6.858.900	931.743.000
10	Hộ ông Đỗ Anh	Tổ 2, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.142,70	1.142,70		186.031.560		507.358.800	5.011.650	698.402.000
11	Hộ ông Huỳnh Hà Mai (chết), Vợ ĐDKK: Đặng Thị Đàng	Tổ 9, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	549,80	549,80		89.507.440		244.111.200	2.474.100	336.093.000
12	Hộ bà Nguyễn Thị Thanh, Chồng Nguyễn Trung Ủy	Tổ 3, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.240,60	1.240,60		201.969.680		550.826.400	5.582.700	758.379.000
13	Hộ ông Nguyễn Khắc Ngọc	Tổ 2, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	597,60	597,60		97.289.280		265.334.400	2.689.200	365.313.000

[illegible]

